TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE** Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT Ngày 12 – 5 – 2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1021/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1983
Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre
- *Bị đơn:* Ông Phan Mạnh P, sinh năm 1976
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phan Mạnh P.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M *trình bày:*

Bà và ông Phan Mạnh P quen biết và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Năm 2017, bà và ông P đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2022, bà và ông P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P đã nhiều lần đánh đập bà và chửi mắng cha mẹ của bà nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là cháu Phan Như N, sinh ngày 27/9/2017 và Phan Nhật N1, sinh ngày 28/02/2020, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, cháu N1, bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Phan Mạnh P đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 96/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M đối với ông Phan Mạnh P.

Bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Phan Mạnh P.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Như N, sinh ngày 27/9/2017 và Phan Nhật N1, sinh ngày 28/02/2020 cho bà Nguyễn Thị Trúc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu N1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Buộc ông Phan Mạnh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng là 745.000đ By trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi tuyên án cho đến khi cháu N, cháu N1 đủ 18 tuổi.

Ông Phan Mạnh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/02/2023 ông Phan Mạnh P kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp Tòa án chấp nhận cho ông và M ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Phan Như N, sinh ngày 27/9/2017 và Phan Nhật N1, sinh ngày 28/02/2020; không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc M đối với ông Phan Mạnh P là có căn cứ, giao hai con chung cho bà M nuôi dưỡng và buộc ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng là phù hợp. Kháng cáo của ông P là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn Phan Mạnh P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Mạnh P kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1] Bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Phan Mạnh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Năm 2017, bà và ông P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà M cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà M và ông Phi đoàn t nhưng ông P không đến tham dự các phiên hòa giải và bà M kiên quyết ly hôn với ông P, đã chứng tỏ ông bà không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, bà M và ông P không còn chung sống với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông P là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà M và ông P có 02 con chung là cháu Phan Như N, sinh ngày 27/9/2017 và Phan Nhật N1, sinh ngày 28/02/2020. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, cháu N1. Ông P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Cháu N, cháu N1 còn nhỏ tuổi nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu N, cháu N1 tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của 02 cháu nên giao cháu N, cháu N1 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định trên thì bà M là người trực tiếp nuôi con nên bà yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật, mỗi con mỗi tháng là 745.000đ By trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi tuyên án cho đến khi cháu N, cháu N1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm, ông P kháng cáo không đồng ý ly hôn, trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, ông P cho rằng bà M không có công việc và không có thu nhập. Điều đó cho thấy ông P không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn, đoàn tụ với bà M. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông P là có căn cứ. Thấy rằng, ông P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre làphù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Mạnh P. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:

16/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Mạnh P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Mạnh P ;

Giữ nguyên quyết định Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M đối với ông Phan Mạnh P.

Bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Phan Mạnh P.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Như N, sinh ngày 27/9/2017 và Phan Nhật N1, sinh ngày 28/02/2020 cho bà Nguyễn Thị Trúc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu N1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Buộc ông Phan Mạnh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng là 745.000đ By trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi tuyên án cho đến khi cháu N, cháu N1 đủ 18 tuổi.

Ông Phan Mạnh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí

4.1 Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã

nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011076 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Phan Mạnh P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm: Ông Phan Mạnh P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003054 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

Phạm Văn Ngọt